TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 17-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Anh Tuấn

2. Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy C, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Trụ sở: Số 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Ông Vương Văn T, bà Trần Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ (theo Văn bản ủy quyền số 425 ngày 10/01/2023), bà H có mặt, ông T và ông Đ vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P; nơi cư trú: Tổ G 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, cả hai cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P có vay vốn tại Ngân hàng T theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1809140927699 ngày 21/9/2018, cụ thể: Số tiền vay 540.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục

đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải hiệu Mitsubishi Triton. Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 540.000.000đ cho người thụ hưởng là bên bán xe ô tô, bên vay là ông C, bà P đã ký vào khế ước nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số LD 1917100686 ngày 20/9/2019, cụ thể: số tiền vay 44.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng, phục vụ đời sống và mua bảo hiểm.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P đã tự nguyện thế chấp tài sản là xe ô tô biển kiểm soát 15C -305.16 mang tên ông Đoàn Văn C cho Ngân hàng T theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1809140927699 ngày 21/9/2018. Xe ô tô nêu trên đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 070590 ngày 18/9/2018.

Sau khi ký kết các hợp đồng, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông C, bà P 584.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 17/7/2023, ông C, bà P nợ Ngân hàng T tổng số tiền 792.743.313 đồng, trong đó: Hợp đồng số LN1809140927699: Nợ gốc: 431.100.884 đồng. Nợ lãi: 264.198.368 đồng. Phạt chậm trả: 46.756.579 đồng. Tổng: 742.055.831 đồng; Hợp đồng số LD1917100686: Nợ gốc: 35.236.558 đồng. Nợ lãi: 15.450.924 đồng. Phạt chậm trả: 0 đồng. Tổng: 50.687.482 đồng.

Do đó, Ngân hàng T khởi kiện ông C, bà P ra Tòa án nhân dân quận K yêu cầu:

- Buộc ông C, bà P phải trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 792.743.313 đồng.

- Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông C, bà P thanh toán toàn bộ khoản nợ.

- Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê kiên, phát mại 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi Triton BKS 15C - 30516. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ các khoản nợ, ông C, bà P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi khoản nợ được tất toán. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ, số tiền thừa Ngân hàng T sẽ trả lại khách hàng theo quy định.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS. Căn cứ Điều

147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Áp dụng Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 792.743.313 đồng, trong đó:Hợp đồng số LN1809140927699: Nợ gốc: 431.100.884 đồng. Nợ lãi: 264.198.368 đồng. Phạt chậm trả: 46.756.579 đồng. Tổng: 742.055.831 đồng; Hợp đồng số LD1917100686: Nợ gốc: 35.236.558 đồng. Nợ lãi: 15.450.924 đồng. Phạt chậm trả: 0 đồng. Tổng: 50.687.482 đồng. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trong việc tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ. Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê kiên, phát mại tài sản thế chấp của bị đơn là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi Triton BKS 15C - 30516 để xử lý nợ. Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng T có đơn khởi kiện ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi và các khoản khác phát sinh theo các hợp đồng vay tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P là bị đơn. Ông C, bà P có địa chỉ cư trú tại Tổ Gò Công 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1809140927699 ngày 21/8/2018: Theo Hợp đồng cho vay LN1809140927699 ngày 21/8/2018 thì ông C, bà P vay của Ngân hàng số tiền là 540.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô. Hợp đồng này được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 540.000.000đ cho người thụ hưởng. Từ ngày 19/3/2020,

ông C, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2023, ông C, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 431.100.884 đồng, nợ lãi: 264.198.368 đồng, phạt chậm trả: 46.756.579 đồng. Tổng: 742.055.831 đồng. Như vậy, cần buộc ông C, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên.

[4] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng vay tín dụng số LD1917100686 ngày 20/6/2019: Theo Hợp đồng vay tín dụng số LD1917100686 ngày 20/6/2019 thì ông C, bà P vay của Ngân hàng số tiền là 44.000.000đ, mục đích vay là tiêu dùng và mua bảo hiểm. Hợp đồng này được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 44.000.000đ cho phía ông C, bà P. Từ ngày 20/4/2020, ông C, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2023, ông C, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 35.236.558 đồng, nợ lãi: 15.450.924 đồng, phạt chậm trả: 0 đồng. Tổng: 50.687.482 đồng. Như vậy cần buộc ông C, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ khoản tiền nêu trên.

[5] Về hợp đồng thế chấp: Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P đã tự nguyện thế chấp tài sản là xe ô tô biển kiểm soát 15C -305.16 cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1809140927699 ngày 21/8/2018. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật, do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành.

[6] Kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong từng Hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng T với ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P.

[7] Trường hợp ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 15C -305.16 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1809140927699 ngày 21/8/2018 giữa ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P với Ngân hàng T để ngân hàng thu hồi nợ.

[8] Về án phí: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1.1. Buộc ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 742.055.831đ, trong đó nợ gốc là 431.100.884đ, nợ lãi là 264.198.368đ, phạt chậm trả lãi 46.756.579 đ theo Hợp đồng cho vay số LN1809140927699 ngày 21/9/2018. Kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1809140927699 ngày 21/9/2018 đã ký giữa Ngân hàng T với ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P.

1.2. Buộc ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 50.687.482đ, trong đó nợ gốc là 35.236.558đ, nợ lãi là 15.450.924đ theo Hợp đồng tín dụng số LD 1917100686 ngày 20/9/2019. Kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD 1917100686 ngày 20/9/2019 đã ký giữa Ngân hàng T với ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P.

1.3. Trường hợp ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu tại mục 1.1 và mục 1.2 nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 15C-305.16 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1809140927699 ngày 21/9/2018 giữa ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P với Ngân hàng T để ngân hàng thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.200.000đ (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003762 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K. Ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị P phải chịu 35.709.000đ (ba mươi lăm triệu, bảy trăm linh chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;

- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

Hoàng Minh Thông